

## HƯỚNG DẪN

### XÂY DỰNG DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2020 VÀ KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH – NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 03 NĂM 2020 -2022

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 45/2017/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết lập kế hoạch tài chính 05 năm và kế hoạch tài chính – ngân sách nhà nước 03 năm;

Căn cứ Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23 tháng 3 năm 2017 của Chính phủ ban hành Quy chế lập,thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm, kế hoạch tài chính – ngân sách nhà nước 03 năm địa phương, dự toán và phân ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương hằng năm;

Thực hiện Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 25 tháng 6 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2020; Chỉ thị số 17/CT-TTg ngày 27 tháng 6 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch tài chính 05 năm giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Thông tư số 38/2019/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2019 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2020 và kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2020-2022; kế hoạch tài chính 05 năm tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương giai đoạn 2021-2025;

Thực hiện Chỉ thị số 09 /CT-UBND ngày 16 tháng 7 năm 2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2020;

Để có cơ sở tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh về xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2020 và Kế hoạch tài chính – ngân sách nhà nước 03 năm 2020-2022 của các Sở, ngành, cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh và các huyện, thị xã, thành phố ( gọi là địa phương), Sở Tài chính Quảng Bình hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2020, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2020-2022 theo các nội dung chủ yếu sau đây:

## **A. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2019**

### **I. Căn cứ đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ ngân sách nhà nước năm 2019**

1. Các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân các cấp về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020, kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 và dự toán ngân sách địa phương, phân bổ ngân sách địa phương năm 2019.

2. Các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, Quyết định của Ủy ban nhân dân, Chỉ thị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách địa phương năm 2019.

3. Các Quyết định của Ủy ban nhân dân các cấp về dự toán ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương năm 2019 về giao kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách địa phương.

4. Các văn bản chỉ đạo điều hành của cấp có thẩm quyền có liên quan đến điều hành ngân sách nhà nước năm 2019, gồm:

- Kế hoạch hành động số 37/KH-UBND ngày 10 tháng 01 năm 2019 của UBND tỉnh Quảng Bình thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP của Chính phủ và Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2019.

- Thông tư số 119/2018/TT-BTC ngày 05 tháng 12 năm 2018 của Bộ Tài chính quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2019 và Công văn số 4173/STC-QLNS ngày 31/12/2018 của Sở Tài chính hướng dẫn thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2019.

- Các Chỉ thị, Thông báo kết luận của Ban Thường vụ tỉnh ủy, đồng chí Bí thư tỉnh ủy, đồng chí Chủ tịch UBND tỉnh, Ban cán sự đảng UBND tỉnh về chỉ đạo điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2019.

- Tình hình thực hiện nhiệm vụ tài chính - NSNN 03 năm 2016-2018; 6 tháng đầu năm 2019 và dự báo, giải pháp phấn đấu hoàn thành dự toán NSNN năm 2019 đã được các cấp có thẩm quyền quyết định.

- Các kết luận, kiến nghị của các cơ quan thanh tra, kiểm toán, kiểm tra công tác cải cách thủ tục hành chính, giải quyết khiếu nại tố cáo, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, phòng chống tham nhũng có liên quan đến hoạt động thu, chi ngân sách nhà nước.

## **II. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ thu ngân sách nhà nước**

### **1. Nguyên tắc đánh giá**

-Thực hiện theo đúng quy định của Luật ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật về thuế, phí và lệ phí; không hạch toán vào ngân sách nhà nước; các khoản thu phí đã chuyển sang giá dịch vụ theo quy định của Luật Phí và lệ phí, các khoản được khấu trừ đối với cơ quan nhà nước hoặc khoản trích lại phí thu từ các hoạt động dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp nhà nước thực hiện.

- Căn cứ kết quả thu ngân sách nhà nước 6 tháng đầu năm, dự báo tình hình sản xuất - kinh doanh, diễn biến giá cả thị trường 6 tháng cuối năm, các Sở ngành, cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh và các địa phương thực hiện rà soát, đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến thu ngân sách nhà nước, kiến nghị các giải pháp điều hành nhằm phấn đấu hoàn thành vượt mức dự toán thu NSNN năm 2019 đã được Hội đồng nhân dân các cấp quyết định.

### **2. Nội dung đánh giá**

2.1 Đánh giá, phân tích nguyên nhân tác động tăng, giảm thu NSNN năm 2019, trong đó chú ý làm rõ:

- Những thuận lợi, khó khăn trong hoạt động sản xuất - kinh doanh của các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế; khả năng triển khai các dự án đầu tư mới, đầu tư mở rộng; các dự án đã hết thời gian ưu đãi thuế; sản lượng sản xuất và tiêu thụ, giá bán, lợi nhuận của các sản phẩm hàng hóa, dịch vụ chủ yếu trên địa bàn; tốc độ tăng trưởng tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng; diễn biến thị trường;

- Các tác động của biến động giá hàng hóa nông sản trên thị trường, các chính sách tiền tệ, tín dụng, thương mại, đầu tư, chính sách giá, cải cách thủ tục hành chính và các yếu tố khác đến nền kinh tế và kết quả thu ngân sách nhà nước trong 6 tháng đầu năm.

2.2. Đánh giá tình hình, kết quả thực hiện các biện pháp về quản lý thu ngân sách nhà nước; kết quả thanh tra, kiểm tra và xử lý thu hồi nợ đọng thuế, trong đó:

- Rà soát, xác định số nợ thuế đến ngày 31 tháng 12 năm 2018; việc triển khai thực hiện công tác đôn đốc, cưỡng chế thu hồi nợ đọng thuế, xóa nợ thuế trong 6 tháng đầu năm 2019 (so với chỉ tiêu, kế hoạch được giao - nếu có); đánh giá dự kiến số nợ thuế đến ngày 31 tháng 12 năm 2019.

- Kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước, thanh tra, quyết định truy thu của cơ quan thuế các cấp trong việc thực hiện kế hoạch, nhiệm vụ thanh tra, kiểm tra chấp hành pháp luật thuế.

2.3. Đánh giá tình hình thu ngân sách từ đất đai (thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất) theo pháp luật về đất đai và thu ngân sách từ xử lý, sắp xếp nhà, đất theo quy định tại Nghị định số 167/2017/NĐ-CP và quy định pháp luật khác có liên quan.

2.4. Báo cáo kết quả phối hợp giữa các Sở, ngành và các địa phương trong công tác quản lý, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc về thu ngân sách nhà nước, bán đấu giá tài sản Nhà nước, đấu giá quyền sử dụng đất và tổ chức thực hiện thanh tra, kiểm tra, đơn đốc thu hồi nợ thuế, chống thất thu, chống chuyển giá; tồn tại, vướng mắc và giải pháp khắc phục.

2.5. Đánh giá tình hình thu phí và lệ phí theo quy định của Luật Phí và lệ phí, Luật Xử phạt vi phạm hành chính và các văn bản pháp luật có liên quan, trong đó:

- Dự kiến số phát sinh thu phí, lệ phí theo quy định trong năm 2019;

- Số thu phí được để lại, số thu phí nộp NSNN và kết quả thực hiện số thu phí được để lại với số đã thực hiện chi trong năm ngân sách.

Ngoài ra, đối với cơ quan quản lý hành chính nhà nước, đề nghị báo cáo số phí được để lại chi (chi tiết số sử dụng cho chi thường xuyên và chi cho các chương trình, dự án đầu tư theo quy định); số còn dư đến hết năm 2019 (nếu có).

- Thu xử phạt vi phạm hành chính, thu phạt, tịch thu và các khoản nộp NSNN khác 6 tháng đầu năm và ước cả năm 2019.

2.6. Đánh giá các khoản thu học phí, giá dịch vụ y tế và các khoản thu dịch vụ sự nghiệp công (không thuộc danh mục phí, lệ phí theo quy định của Luật Phí và lệ phí).

### **III. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ chi ngân sách nhà nước**

#### **1. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ chi đầu tư phát triển**

1.1 Tình hình bố trí và giao dự toán chi đầu tư năm 2019 (gồm cả số được điều chỉnh, bổ sung theo phê duyệt của cấp thẩm quyền:

- Tình hình lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư các dự án đầu tư công theo quy định của Luật Đầu tư công và các văn bản chỉ đạo điều hành của cấp có thẩm quyền.

- Thời hạn phân bổ và giao kế hoạch cho chủ đầu tư;

- Kết quả bố trí dự toán để thu hồi vốn ngân sách ứng trước và thanh toán nợ xây dựng cơ bản thuộc nguồn NSNN;

- Việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn đã được cấp thẩm quyền phê duyệt

- Khó khăn, vướng mắc và kiến nghị điều chỉnh cơ chế, chính sách; kiến nghị trong tổ chức thực hiện.

## 1.2 Tình hình thực hiện chi ĐTPT, gồm:

- Chi đầu tư phát triển từ nguồn chi cân đối NSNN: Đánh giá giá trị khối lượng thực hiện, vốn thanh toán đến hết Quý II năm 2019, dự kiến khối lượng thực hiện và vốn thanh toán đến ngày 31 tháng 12 năm 2019, tỷ lệ giải ngân so với dự toán (có biểu phụ lục chi tiết từng dự án, số liệu về tổng mức đầu tư được duyệt, vốn thanh toán lũy kế đến hết năm 2018, kế hoạch vốn - kể cả vốn bổ sung, điều chỉnh và ước thực hiện năm 2019, kèm theo thuyết minh); khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân, kiến nghị, trong đó, đối với chi đầu tư phát triển từ nguồn tiền thu được từ bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền và chuyển mục đích sử dụng đất: Đánh giá giá trị khối lượng thực hiện các dự án đầu tư; báo cáo chi tiết các dự án đã hoàn thành chưa được quyết toán do chưa được bố trí dự toán ngân sách, các dự án được phê duyệt sử dụng từ nguồn tiền bán tài sản trên đất và chuyển nhượng quyền sử dụng đã nộp ngân sách nhưng chưa sử dụng.

- Chi đầu tư phát triển theo hình thức hợp tác công tư: Đánh giá tình hình thực hiện việc sử dụng tài sản công để thanh toán cho Nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức Hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao .

- Tổng hợp, đánh giá tình hình nợ đọng khối lượng đầu tư xây dựng cơ bản nguồn ngân sách nhà nước và thu hồi vốn ứng nguồn ngân sách nhà nước đến ngày 31 tháng 12 năm 2018; ước số xử lý trong năm 2019; dự kiến số nợ xây dựng cơ bản, số ứng còn đến ngày 31 tháng 12 năm 2019 (chi tiết từng dự án).

- Tình hình quyết toán dự án đầu tư hoàn thành, trong đó nêu rõ: số dự án đã hoàn thành nhưng chưa quyết toán theo quy định đến hết tháng 6 năm 2019 và dự kiến đến hết năm 2019; nguyên nhân và giải pháp xử lý.

- Tình hình thực hiện các cơ chế, chính sách xã hội hóa: Tổng nguồn lực và cơ cấu nguồn lực xã hội hóa đầu tư theo ngành, lĩnh vực; số lượng các cơ sở được đầu tư từ nguồn lực xã hội hóa; kết quả đạt được; tồn tại, nguyên nhân và giải pháp khắc phục.

- Riêng nguồn phí để lại cho các cơ quan quản lý nhà nước chi đầu tư theo quy định, đề nghị báo cáo cụ thể tình hình phê duyệt, triển khai các dự án; số đã hoàn thành, quyết toán; số đang triển khai; số đã phê duyệt nhưng chưa triển khai (chi tiết từng chương trình, dự án; cấp phê duyệt; thời gian khởi công kết thúc; tổng mức kinh phí; tình hình triển khai).

## **2. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ chi thường xuyên**

2.1. Đánh giá tình hình triển khai phân bổ, giao dự toán và thực hiện dự toán NSNN 6 tháng đầu năm và dự kiến cả năm 2019 theo từng lĩnh vực chi được giao.

2.2. Kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, các chương trình, dự án lớn; những khó khăn, vướng mắc và đề xuất biện pháp xử lý về cơ chế, chính sách trong tổ chức thực hiện, cụ thể:

- Đối với các chế độ, chính sách: Đánh giá tổng thể toàn bộ các chính sách, chế độ; rà soát, kiến nghị bổ sung, sửa đổi các chính sách, chế độ không phù hợp với thực tế.

- Thực hiện tinh giản biên chế, đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy: Kết quả đạt được trong 6 tháng đầu năm, ước cả năm 2019 và tổng hợp lũy kế tình hình thực hiện đến hết năm 2019, chi tiết theo từng mục tiêu, nhiệm vụ; trong đó chi tiết:

- + Số giảm biên chế, giảm đầu mỗi tổ chức bộ máy từng năm;
- + Số kinh phí dành ra được do giảm biên chế, giảm tổ chức bộ máy từng năm;
- + Số kinh phí phải bố trí từng năm từ NSNN để thực hiện chính sách tinh giản biên chế theo các Nghị định của Chính phủ: Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2014 về chính sách tinh giản biên chế (Nghị định số 108/2014/NĐ-CP), Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31 tháng 8 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP về chính sách tinh giản biên chế (Nghị định số 113/2018/NĐ-CP) và Nghị định số 26/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 3 năm 2015 quy định chế độ, chính sách đối với cán bộ không đủ điều kiện về tuổi tái cử, tái bổ nhiệm giữ các chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ trong cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội.

- Kết quả sắp xếp, đổi mới hệ thống và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ về cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công (Nghị định số 16/2015/NĐ-CP) và các Nghị định của Chính phủ về cơ chế tự chủ trong các lĩnh vực sự nghiệp cụ thể trong 6 tháng đầu năm, ước cả năm và tổng hợp lũy kế tình hình thực hiện đến hết năm 2019 chi tiết theo từng mục tiêu, từng năm (báo cáo số lượng, tỷ lệ đơn vị được phân loại theo mức độ tự chủ từng năm; số lượng và tỷ lệ biên chế của khu vực sự nghiệp theo từng mức độ tự chủ từng năm; số lượng giảm và tỷ lệ giảm biên chế hưởng lương từ ngân sách từng năm của từng lĩnh vực).

2.3. Đánh giá tác động của việc sắp xếp, đổi mới, nâng cao khả năng tự chủ đến NSNN theo từng lĩnh vực, từng năm (số kinh phí dành ra và việc sử dụng).

2.4. Đánh giá công tác huy động các nguồn lực tài chính ở địa phương để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, những khó khăn, vướng mắc và đề xuất kiến nghị (nếu có).

2.5. Khả năng cân đối NSDP so với dự toán, các biện pháp đã và sẽ thực hiện để đảm bảo cân đối NSDP trong trường hợp dự kiến bị giảm thu NSDP.

2.6. Địa phương báo cáo cụ thể việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn đã được cấp thẩm quyền phê duyệt, chi tiết việc điều chỉnh kế hoạch nguồn cân đối NSDP, nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp tỉnh - nếu có; trong đó cụ thể:

- Việc điều chỉnh nguồn cân đối NSDP tăng thêm cho chi ĐTPT so với kế hoạch đầu tư công trung hạn, việc bố trí kinh phí tăng thêm so với kế hoạch đầu tư công trung hạn đối với các chương trình, dự án đầu tư, xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản, thu hồi vốn ứng;

- Tình hình bố trí, giao dự toán bổ sung, điều chỉnh và tổ chức thực hiện đối với các chương trình, dự án đầu tư được điều chỉnh, bổ sung - nếu có.

2.7. Thực hiện các chính sách an sinh xã hội trên địa bàn:

- Đánh giá tình hình thực hiện đối với từng chính sách, có báo cáo cụ thể đối tượng (trong đó chi tiết đối với hộ nghèo thu nhập, nghèo đa chiều đối với từng tiêu chí thiếu hụt dịch vụ cơ bản), nhu cầu kinh phí thực hiện chính sách năm 2019 (có thuyết minh cơ sở xác định, cách tính).

- Căn cứ chế độ chính sách, các địa phương chủ động sử dụng nguồn kinh phí thực hiện các chính sách đã được bố trí ổn định trong cân đối NSDP năm 2017 (năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách 2017-2020), nguồn NSTW hỗ trợ và nguồn cải cách tiền lương còn dư sau khi đã đảm bảo thực hiện cải cách tiền lương trong năm theo quy định (nếu có) để thực hiện, trường hợp còn thiếu kinh phí, Bộ Tài chính sẽ trình cấp có thẩm quyền bố trí dự toán ngân sách năm 2020 để địa phương có nguồn triển khai thực hiện (không xem xét xử lý trong quá trình điều hành ngân sách hàng năm).

- Đối với các địa phương được phép điều chỉnh, bổ sung tăng biên chế sự nghiệp giáo dục và y tế theo quyết định của cấp có thẩm quyền, phải chủ động bố trí chi NSDP để đảm bảo kinh phí chi trả cho số biên chế tăng thêm; đối với nhu cầu tiền lương tăng thêm do tăng lương cơ sở, sau khi các địa phương sử dụng các nguồn lực để thực hiện cải cách tiền lương nhưng vẫn không đảm bảo đủ nhu cầu, Ngân sách tỉnh hỗ trợ theo quy định về cải cách tiền lương hiện hành.

- Nguồn cải cách tiền lương năm 2019, số còn dư (nếu có) sau khi đã đảm bảo đủ nhu cầu cải cách tiền lương trong năm 2019, để chi trả thay phần NSTW hỗ trợ để

thực hiện các chính sách an sinh xã hội do Trung ương ban hành (giảm tương ứng phần NSTW phải hỗ trợ theo chế độ) và chi đầu tư theo quy định - nếu có.

- Báo cáo cụ thể việc bố trí ngân sách (bao gồm cả số NSTW hỗ trợ có mục tiêu cho NSDP - nếu có) và sử dụng dự phòng NSDP thực hiện nhiệm vụ an ninh, quốc phòng; phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh; tình hình sử dụng dự phòng NSDP, số dự kiến sử dụng trong 6 tháng cuối năm 2019 (chi tiết tình hình thực hiện hỗ trợ kinh phí chống hạn, hỗ trợ bão lũ, thiên tai, dịch bệnh, đặc biệt là tình hình thực hiện phòng, chống dịch tả lợn Châu Phi).

2.8. Tình hình phân bổ, giao dự toán chi NSNN từ nguồn thu tiền sử dụng đất để đầu tư các công trình kết cấu hạ tầng của địa phương, thực hiện đo đạc, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

2.9. Tình hình thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu, các chương trình, đề án có sử dụng nguồn vốn ngoài nước: đánh giá tình hình thực hiện năm 2019, lũy kế thực hiện năm 2016-2019 so với kế hoạch 5 năm 2016-2020 được giao (nếu có) hoặc theo phê duyệt chương trình, đề án, nhiệm vụ. Trong đó lưu ý:

2.10. Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới: kinh phí thực hiện, chi tiết theo từng nguồn (NSTW, cụ thể vốn trái phiếu Chính phủ; NSDP và các nguồn huy động khác), số xã hoàn thành mục tiêu chương trình; trường hợp mức cân đối NSDP và các nguồn huy động khác thấp so với dự kiến phải làm rõ nguyên nhân, trách nhiệm của các cơ quan liên quan.

2.11. Tình hình thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững: Kinh phí thực hiện, chi tiết theo từng nguồn (NSTW, cụ thể vốn trái phiếu Chính phủ; NSDP và các nguồn huy động khác); trường hợp mức cân đối NSDP và các nguồn huy động khác thấp so với dự kiến phải làm rõ nguyên nhân, trách nhiệm của các cơ quan liên quan.

2.12. Tình hình thực hiện các chương trình mục tiêu: Kinh phí thực hiện, chi tiết theo từng nguồn (NSTW, cụ thể vốn trái phiếu Chính phủ; NSDP và các nguồn huy động khác); trường hợp mức cân đối NSDP và các nguồn huy động khác thấp so với dự kiến phải làm rõ nguyên nhân, trách nhiệm của các cơ quan liên quan.

2.13. Tình hình thực hiện các kiến nghị của cơ quan Kiểm toán nhà nước, Thanh tra.

## **B. XÂY DỰNG DỰ TOÁN NSNN NĂM 2020**

Năm 2020 là năm cuối triển khai thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm giai đoạn 2011-2020, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm giai đoạn 2016-2020 và các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu giai đoạn 05

năm giai đoạn 2016-2020; là năm quyết định việc thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội và tài chính - ngân sách 10 năm giai đoạn 2011-2020 và 05 năm giai đoạn 2016-2020 đã đề ra của các cấp có thẩm quyền.

## **I. Yêu cầu**

1. Dự toán NSNN năm 2020 được xây dựng theo đúng quy định của Luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn Luật về quy trình, thời hạn, thuyết minh cơ sở pháp lý, căn cứ tính toán, giải trình; đảm bảo phù hợp với tiến độ thực hiện đến hết 31 tháng 12 năm 2019; mục tiêu, nhiệm vụ của các Kế hoạch 05 năm giai đoạn 2016-2020 được phê duyệt; phù hợp với định hướng phát triển và mục tiêu, nhiệm vụ đề ra cho năm 2020.

2. Các Sở, ngành, cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh và các địa phương trên cơ sở đánh giá thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2019, bám sát các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2020 và giai đoạn 2016-2020 của ngành, lĩnh vực và địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 để xác định nhiệm vụ trọng tâm thực hiện trong năm 2020 phù hợp với các mục tiêu cơ cấu lại ngân sách theo Nghị quyết số 07-NQ/TW, triển khai các Nghị quyết của Trung ương về cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp; cải cách chính sách bảo hiểm xã hội, chủ động sắp xếp các khoản chi và thứ tự ưu tiên thực hiện các nhiệm vụ, chương trình, dự án, đề án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo mức độ cấp thiết, quan trọng và khả năng triển khai thực hiện năm 2020 trên cơ sở nguồn ngân sách nhà nước được phân bổ và các nguồn huy động hợp pháp khác.

3. Việc xây dựng dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2020 phải theo đúng các quy định của pháp luật về quản lý thu, chi ngân sách; trên cơ sở nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ dự toán ngân sách nhà nước; quán triệt chủ trương triệt để tiết kiệm, chống lãng phí ngay từ khâu lập dự toán.

4. Các Sở, ngành, cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh và các địa phương khi xây dựng dự toán cần tính tới việc rà soát tổng thể các chế độ, chính sách (nhất là các chính sách an sinh xã hội) để trình cấp có thẩm quyền bãi bỏ, lồng ghép các chính sách chồng chéo, trùng lặp, kém hiệu quả; không đề xuất các chính sách làm giảm thu ngân sách; chỉ đề xuất ban hành chính sách làm tăng chi ngân sách khi thật sự cần thiết và có nguồn đảm bảo; chủ động dự kiến đầy đủ nhu cầu kinh phí thực hiện các chính sách, chế độ, nhiệm vụ mới đã được cấp có thẩm quyền quyết định; không bố trí dự toán chi cho các chính sách chưa ban hành.

## **II. Xây dựng dự toán thu ngân sách nhà nước**

Dự toán thu ngân sách nhà nước năm 2020 phải được xây dựng theo đúng chính sách, chế độ hiện hành, có tính đến khả năng điều chỉnh chính sách của năm kế hoạch, trên cơ sở đánh giá sát khả năng thực hiện thu NSNN năm 2019; đồng thời phân tích, dự báo tình hình kinh tế, tài chính, đặc biệt là những nhân tố tác động làm thay đổi đến kết quả thu ngân sách trên địa bàn; tăng cường thanh tra, kiểm tra, chống thất thu, quản lý chặt chẽ giá tính thuế, mở rộng triển khai hóa đơn điện tử; phát hiện và ngăn chặn các hành vi buôn lậu, gian lận thương mại, chuyển giá, trốn lậu thuế; tăng cường xử lý nợ đọng thuế. Việc lập, xây dựng dự toán ngân sách nhà nước cần chú ý một số nội dung chủ yếu sau:

1. Các địa phương xây dựng dự toán trên cơ sở tổng hợp toàn bộ các khoản thu từ thuế, phí, lệ phí và các khoản thu khác trên địa bàn theo quy định tại Điều 7 của Luật ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật có liên quan.

2. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chỉ đạo các cơ quan Phòng Tài chính-Kế hoạch, Chi cục thuế phối hợp với các cơ quan liên quan chấp hành nghiêm việc lập dự toán thu ngân sách và chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh trong việc xây dựng dự toán thu ngân sách nhà nước.

3. Cục thuế tỉnh phối hợp với Sở Tài chính, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã thành phố rà soát, lập dự toán thu ngân sách nhà nước tích cực, sát thực tế, tổng hợp đầy đủ các khoản thu mới phát sinh trên địa bàn để tính đúng, tính đủ nguồn thu; lấy chỉ tiêu pháp lệnh thu ngân sách nhà nước Hội đồng nhân dân tỉnh, huyện quyết định, UBND tỉnh giao làm căn cứ chỉ đạo, điều hành thực hiện nhiệm vụ thu ngân sách trên địa bàn.

4. Dự toán ngân sách nhà nước của các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh (không kể thu tiền sử dụng đất) năm 2020 bình quân tăng tối thiểu 10-12% so với đánh giá ước thực hiện năm 2019. Mức tăng thu cụ thể tùy theo điều kiện, đặc điểm và phù hợp với tốc độ tăng trưởng kinh tế của từng ngành, địa phương.

5. Tiếp tục ổn định tỷ lệ phần trăm (%) phân chia nguồn thu giữa ngân sách các cấp do Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định cho thời kỳ ổn định ngân sách đến năm 2020.

6. Việc xây dựng dự toán thu phải gắn với việc tăng cường quản lý thu, đôn đốc, cưỡng chế thu hồi nợ thuế, thanh tra, kiểm tra, chống chuyển giá, chống buôn lậu, gian lận thương mại, kiểm tra, giám sát hoàn thuế GTGT, chống thất thu đối với doanh nghiệp, cá nhân kinh doanh trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ và các nguồn thu từ đôn đốc thực hiện kiến nghị của cơ quan kiểm toán, Thanh tra.

### **III. Xây dựng dự toán chi ngân sách nhà nước**

#### **1. Xây dựng dự toán chi đầu tư phát triển**

1.1. Xây dựng dự toán chi đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước, bao gồm cả nguồn vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn viện trợ, vốn trái phiếu Chính phủ, nguồn thu xổ số kiến thiết, nguồn thu từ bán vốn nhà nước tại một số doanh nghiệp, nguồn thu tiền sử dụng đất phải đáp ứng mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2020, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2016-2020 và Quyết định số 46/2015/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2016-2020.

1.2. Dự toán chi đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước cần chi tiết theo các lĩnh vực chi phù hợp với quy định của Luật NSNN và sắp xếp các dự án theo thứ tự ưu tiên, trong đó:

- Bố trí đủ dự toán năm 2020 để đảm bảo thanh toán hết nợ xây dựng cơ bản và thu hồi hết số vốn ứng trước của các dự án đầu tư trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020;

- Bố trí đủ theo nhu cầu vốn trong phạm vi kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016-2020 đã giao của các dự án hoàn thành trong năm 2020;

- Bố trí vốn đầy đủ theo phân kỳ thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu; đẩy nhanh tiến độ, sớm hoàn thành các dự án quan trọng quốc gia, dự án có ý nghĩa lớn đối với phát triển kinh tế - xã hội;

- Bố trí đủ vốn đối ứng các dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài; vốn đầu tư của Nhà nước tham gia thực hiện dự án theo hình thức đối tác công tư PPP;

- Chỉ bố trí cho các dự án khởi công mới nếu còn nguồn và đầy đủ thủ tục đầu tư theo quy định.

## 2. Xây dựng dự toán chi thường xuyên

2.1. Căn cứ nhiệm vụ chính trị, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2020 và số kiểm tra dự toán thu, chi ngân sách năm 2020, các Sở, ngành, cơ quan, đơn vị cấp tỉnh và các huyện, thị xã, thành phố xây dựng dự toán chi thường xuyên cho từng lĩnh vực chi theo mục tiêu, nhiệm vụ được giao năm 2020, đảm bảo đúng chính sách, chế độ, định mức chi NSNN, đảm bảo đúng tính chất nguồn kinh phí, đáp ứng các nhiệm vụ chính trị quan trọng, thực hiện đầy đủ các chính sách, chế độ Nhà nước đã ban hành, triệt để tiết kiệm.

2.2. Dự toán chi hoạt động năm 2020 của cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể xây dựng gắn với mục tiêu sắp xếp lại tổ chức bộ máy và tinh giản biên chế. Cụ thể:

- Trên cơ sở các Nghị quyết của Trung ương, của tỉnh và kế hoạch hành động của từng Sở, ngành, địa phương, thực hiện kiện toàn tổ chức, giảm đầu mối, giảm cấp trung gian, giảm cấp phó, thực hiện kiêm nhiệm chức danh, sáp nhập các xã chưa đạt chuẩn.

-Thực hiện tinh giản biên chế với mức giảm biên chế năm 2020 theo theo Đề án tinh giản biên chế được duyệt.

- Ước tính tác động của sắp xếp bộ máy, tinh giản biên chế đến ngân sách nhà nước, gồm:

Kinh phí dành ra đối với các cơ quan hành chính từ giảm chi ngân sách nhà nước do sắp xếp tổ chức bộ máy (giảm chi hoạt động bộ máy, chi cơ sở vật chất...); giảm chi ngân sách nhà nước do giảm biên chế (giảm chi quỹ lương, giảm chi thường xuyên,...); nhu cầu kinh phí thực hiện các chính sách tinh giản biên chế theo chế độ, chính sách hiện hành.

2.3. Dự toán chi hoạt động năm 2020 của các đơn vị sự nghiệp công lập xây dựng trên cơ sở tiến độ đã thực hiện giai đoạn 2016-2019; mục tiêu, nhiệm vụ tinh giản biên chế của các tổ chức trong hệ thống chính trị; các mục tiêu về đổi mới đơn vị sự nghiệp công; chi tiết việc triển khai từng mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể, mức giảm dự toán gắn với việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ trong năm 2020. Cụ thể:

- Mức giảm biên chế năm 2020 được xác định theo quyết định của cấp thẩm quyền (nếu có).

- Việc đổi mới cơ chế quản lý, cơ chế tài chính và tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công.

- Giảm đầu mối đơn vị sự nghiệp công lập; tăng số lượng đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ tài chính ở mức cao hơn; giảm số hợp đồng lao động không đúng quy định trong các đơn vị sự nghiệp công lập (trừ những đơn vị đã bảo đảm tự chủ tài chính).

- Lộ trình tính giá, phí dịch vụ sự nghiệp công (tính đủ tiền lương, chi phí trực tiếp, chi phí quản lý và khấu hao tài sản), tăng giá học phí theo quy định của pháp luật. Trên cơ sở đó, tăng đơn vị tự chủ toàn bộ chi đầu tư và chi thường xuyên, tự chủ toàn bộ chi thường xuyên; tăng mức độ tự chủ tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập còn lại.

Ước tính kinh phí dành ra đối với từng mục tiêu, chi tiết giảm chi con người, chi hoạt động bộ máy, giảm chi gắn với lộ trình tăng giá, phí dịch vụ sự nghiệp công và chuyển nhóm đơn vị tự chủ...; cũng như nhu cầu kinh phí thực hiện các chính sách tinh giản biên chế theo chế độ, chính sách hiện hành.

- Việc chuyển đổi các đơn vị sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác có đủ điều kiện thành công ty cổ phần (trừ các bệnh viện và trường học).

### ***Một số lưu ý thêm khi xây dựng dự toán NSNN năm 2020:***

- Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ: Xây dựng dự toán chi trên cơ sở phê duyệt của cấp có thẩm quyền đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước và nhiệm vụ khác. Đối với dự toán kinh phí hỗ trợ cho các đơn vị sự nghiệp khoa học công nghệ công lập, xây dựng theo quy định tại Nghị định số 54/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2016 của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

- Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề: Thuyết minh cơ sở xây dựng dự toán chi thực hiện chính sách miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập, chính sách ưu đãi đối với nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; kinh phí hỗ trợ đào tạo nghề cho thanh niên hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an, thanh niên tình nguyện theo Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 9 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm.

- Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình: Thuyết minh cụ thể cơ sở tính toán nhu cầu chi thực hiện các chương trình, đề án của ngành y tế đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; dự kiến số kinh phí giảm cấp chi thường xuyên của các đơn vị sự nghiệp y tế theo lộ trình điều chỉnh giá dịch vụ y tế; nhu cầu NSNN hỗ trợ do giá, phí dịch vụ sự nghiệp công chưa kết cấu đủ chi phí tại các đơn vị sự nghiệp y tế công lập tự bảo đảm một phần chi phí thường xuyên hoặc đơn vị sự nghiệp y tế công do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên.

- Chi các hoạt động kinh tế: Xây dựng trên cơ sở khối lượng nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao và chế độ, định mức chi ngân sách quy định; tập trung bố trí chi cho những nhiệm vụ quan trọng: duy tu bảo dưỡng hệ thống hạ tầng kinh tế trọng yếu (giao thông, thủy lợi, đê điều và công trình phòng chống thiên tai) để tăng thời gian sử dụng và hiệu quả đầu tư; bảo đảm an toàn giao thông; tìm kiếm cứu nạn; nghiệp vụ dự trữ quốc gia; thực hiện nhiệm vụ khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư, khuyến công. Xây dựng dự toán kinh phí Nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ cho các đơn vị sự nghiệp kinh tế công lập theo quy định của Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2016 của Chính phủ và Thông tư số 145/2017/TT-BTC ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 141/2016/NĐ-CP, kinh phí thực hiện đấu thầu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo quy định của Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm dịch vụ công sử dụng NSNN từ nguồn kinh phí chi thường xuyên.

- Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể: Thuyết minh rõ các nội dung sau:

+ Số biên chế được giao năm 2020 (trường hợp chưa được giao biên chế, thì xác định bằng số được cơ quan có thẩm quyền giao năm 2019 trừ đi (-) số biên chế phải tinh giản năm 2020 theo mức giảm tối thiểu/năm đối với từng khối cơ quan, đơn vị, trong đó làm rõ số biên chế thực có mặt đến thời điểm lập dự toán, số biên chế chưa tuyển theo chỉ tiêu được duyệt năm 2019.

+ Xác định Quỹ lương ngạch bậc, các khoản phụ cấp theo lương và các khoản đóng góp theo chế độ quy định theo mức lương cơ sở 1,49 triệu đồng/tháng (tính đủ 12 tháng) do NSNN đảm bảo, bao gồm: Quỹ tiền lương của số biên chế thực có mặt tính đến thời điểm lập dự toán (trong phạm vi biên chế được duyệt), được xác định trên cơ sở mức lương theo ngạch, bậc, chức vụ; phụ cấp lương và các khoản đóng góp theo chế độ; Giảm quỹ tiền lương gắn với tinh giản biên chế; Quỹ tiền lương của số biên chế được duyệt nhưng chưa tuyển, được dự kiến trên cơ sở mức lương cơ sở 1,49 triệu đồng/tháng, hệ số lương 2,34/biên chế và các khoản đóng góp theo chế độ.

+ Thuyết minh cơ sở xây dựng dự toán các khoản chi đặc thù (cơ sở pháp lý, nội dung chi, mức chi, các nội dung liên quan khác) năm 2020 trên tinh thần tiết kiệm, hiệu quả.

+ Kinh phí tổ chức Đại hội Đảng các cấp.

- Đối với các tổ chức chính trị, xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp được ngân sách hỗ trợ kinh phí hoạt động, dự toán ngân sách năm 2020 được xác định căn cứ vào việc tăng, giảm nhiệm vụ được cấp thẩm quyền giao trong năm 2020.

3. Xây dựng dự toán chi các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu:

3.1. Căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ của chương trình, tổng mức vốn, kinh phí đã được duyệt, mức đã bố trí giai đoạn 2016-2019, số đã giao dự toán 03 năm 2018-2020, số kiểm tra năm 2020, khả năng thực hiện và các văn bản hướng dẫn tổ chức thực hiện.

3.2. Các cơ quan chủ chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu tổng hợp, đề xuất nhu cầu vốn, kinh phí thực hiện chương trình, chi tiết theo từng mục tiêu, dự án thành phần, nguồn vốn đầu tư, thường xuyên, gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp (kèm thuyết minh chi tiết).

3.3. Các sở, ngành, đơn vị cấp tỉnh và các huyện, thị xã, thành phố căn cứ nhiệm vụ được giao tại quyết định phê duyệt từng CTMTQG, CTMT, hướng dẫn bổ sung của cơ quan quản lý chương trình, thực hiện lập dự toán chi thực hiện các chương trình, chi tiết theo từng nguồn vốn, từng dự án, nội dung, nhiệm vụ, kinh phí

sự nghiệp, vốn đầu tư, nguồn ngân sách trung ương, nguồn đối ứng ngân sách địa phương.

3.4. Các cơ quan quản lý CTMTQG, CTMT tổng hợp, đề xuất nhu cầu vốn, kinh phí thực hiện CTMTQG, CTMT.

3.5. Dự toán phải kèm thuyết minh chi tiết chỉ tiêu, nhiệm vụ, nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ của từng dự án, nhiệm vụ.

3.6. Lập dự toán chi từ nguồn vốn ngoài nước phải đảm bảo đúng, đủ và trong phạm vi hạn mức quy định tại nghị quyết số 26/2016/QH14, Nghị quyết số 71/2018/QH14, Nghị quyết số 25/2016/QH14.

4. Lập dự toán tạo nguồn cải cách tiền lương năm 2020:

4.1. Các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh thực hiện tiết kiệm 10% dự toán chi thường xuyên tăng thêm (trừ các khoản tiền lương, phụ cấp theo lương, khoản có tính chất lương và các khoản chi cho con người theo chế độ); một phần nguồn thu được để lại theo chế độ quy định; nguồn thực hiện cải cách tiền lương các năm trước còn dư.

4.2. Các địa phương thực hiện tiết kiệm 10% chi thường xuyên (trừ các khoản tiền lương, phụ cấp theo lương, khoản có tính chất lương và các khoản chi cho con người theo chế độ); một phần nguồn thu được để lại theo chế độ của các cơ quan, đơn vị; nguồn tăng thu NSDP (không kể thu tiền sử dụng đất); phần kinh phí dành ra từ giảm chi hỗ trợ hoạt động thường xuyên trong lĩnh vực hành chính và hỗ trợ các đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định; nguồn thực hiện cải cách tiền lương các năm trước còn dư – nếu có.

5. Lập dự toán kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế

Việc lập dự toán kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế năm 2020 theo quy định tại Nghị định số 108/2014/NĐ-CP, Nghị định số 113/2018/NĐ-CP, Nghị định số 26/2015/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

6. Bố trí dự phòng NSNN:

Việc bố trí dự phòng ngân sách theo đúng quy định của Luật ngân sách nhà nước để chủ động đối phó với thiên tai, lũ lụt, dịch bệnh và thực hiện những nhiệm vụ quan trọng, cấp bách phát sinh ngoài dự toán.

7. Dự toán chi sự nghiệp từ nguồn thu được để lại theo chế độ:

Các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh và các huyện, thị xã thành phố thực hiện lập dự toán chi từ nguồn thu được để lại báo cáo cấp có thẩm quyền theo biểu mẫu quy định tại Thông tư 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP, nhưng

không tổng hợp vào dự toán chi ngân sách nhà nước của các Sở, ngành, cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh và các địa phương.

8. Căn cứ số kiểm tra thu, chi ngân sách năm 2020, các Sở, ngành, cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh và các địa phương xây dựng dự toán chi chặt chẽ, chi tiết theo từng lĩnh vực quy định tại Luật ngân sách nhà nước, từng nhiệm vụ, từng đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc; triển khai ngay công tác lập phương án phân bổ dự toán ngân sách năm 2020 của các cơ quan, đơn vị, địa phương mình, để khi nhận được dự toán ngân sách UBND tỉnh giao, chủ động trình cấp có thẩm quyền quyết định phân bổ theo từng lĩnh vực và giao dự toán ngân sách đến đơn vị sử dụng ngân sách đảm bảo trước ngày 31 tháng 12 năm 2019 theo quy định của Luật ngân sách nhà nước.

9. Xây dựng kế hoạch tài chính của các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách

Các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh và địa phương được giao quản lý các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách phải lập báo cáo tình hình thu - chi tài chính năm 2019 và dự kiến kế hoạch thu - chi tài chính năm 2020 của các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách thuộc phạm vi quản lý, gửi kèm báo cáo dự toán NSNN năm 2020 của cơ quan, đơn vị mình tới cơ quan tài chính cùng cấp theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện. Trong đó, thuyết minh chi tiết về số dư, số phát sinh thu từ NSNN cấp, từ huy động, tài trợ,...; số chi cho các nhiệm vụ; tình hình biến động về vốn điều lệ, nguồn vốn hoạt động và các văn bản pháp luật mới ban hành liên quan đến quỹ (nếu có). Đánh giá hiệu quả hoạt động, các khó khăn, vướng mắc phát sinh và kiến nghị giải pháp xử lý.

## **C. LẬP KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH - NSNN 03 NĂM 2020-2022**

### **I. Lập kế hoạch thu NSNN**

1.1. Kế hoạch thu ngân sách nhà nước 03 năm 2020-2022 được lập trên cơ sở cập nhật kế hoạch 03 năm 2019-2021; dự toán thu ngân sách nhà nước năm 2020 và mức tăng trưởng thu dự kiến cho năm 2021, năm 2022 theo quy định; đảm bảo nguyên tắc mọi khoản thu từ thuế, phí, lệ phí và các khoản thu khác theo quy định phải được tổng hợp, phản ánh đầy đủ vào cân đối ngân sách nhà nước theo quy định của Luật ngân sách nhà nước.

1.2. Tỷ lệ tăng trưởng thu dự kiến cho giai đoạn 2020-2022 được xác định theo đúng chính sách, chế độ thu ngân sách nhà nước hiện hành, đồng thời tính đến:

- Khả năng phát triển kinh tế của địa phương trong năm 2020, dự kiến năm 2021-2022 phù hợp với bối cảnh kinh tế của địa phương; các yếu tố thay đổi về năng lực đầu tư, phát triển sản xuất - kinh doanh và hoạt động thương mại, xuất nhập khẩu của từng năm.

- Các yếu tố dự kiến làm tăng, giảm thu do điều chỉnh chính sách thu, bổ sung mở rộng cơ sở tính thuế, tăng cường quản lý thu; triển khai thực hiện Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa về ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp; thực hiện lộ trình cắt giảm thuế quan theo cam kết hội nhập; động viên từ khu vực kinh tế phi chính thức;...

- Tác động thu ngân sách từ việc điều chỉnh giá, phí các dịch vụ sự nghiệp công theo lộ trình kết cấu đủ chi phí vào giá dịch vụ sự nghiệp công quy định.

Mức tăng thu cụ thể của từng địa phương có thể cao hơn hoặc thấp hơn mức bình quân chung, tùy theo điều kiện, đặc điểm và phù hợp với tốc độ tăng trưởng kinh tế trên địa bàn của từng địa phương.

1.3. Đối với các khoản thu phí, lệ phí nộp ngân sách và để lại chi theo quy định, các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh và địa phương căn cứ số dự kiến thu năm 2020 để xây dựng kế hoạch thu năm 2021-2022 phù hợp, tích cực, cụ thể theo từng khoản thu phí, lệ phí theo quy định (số thu, số được để lại chi theo chế độ chi tiết các lĩnh vực chi tương ứng, số nộp ngân sách nhà nước) và chỉ tổng hợp vào dự toán thu ngân sách nhà nước phân phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước.

Các cơ quan quản lý nhà nước dự kiến số phí được để lại theo cơ chế đặc thù, chi tiết việc sử dụng cho chi thường xuyên theo quy định, chi các chương trình, dự án đầu tư nguồn phí để lại chuyển tiếp từng năm 2021-2022.

1.4. Đối với các khoản thu học phí, giá dịch vụ y tế, dịch vụ sự nghiệp công không thuộc danh mục phí và lệ phí, các khoản thu chuyển sang cơ chế giá dịch vụ không thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước, các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh và địa phương lập kế hoạch thu và xây dựng phương án sử dụng để gửi cơ quan có thẩm quyền giám sát và tiếp tục thực hiện cơ chế tạo nguồn từ khoản thu này để cải cách tiền lương theo quy định.

## **II. Lập kế hoạch chi NSNN 03 năm 2020-2022 của các cơ quan, đơn vị ở cấp tỉnh**

1. Kế hoạch chi ngân sách nhà nước 03 năm 2020-2022 của các cơ quan, đơn vị ở cấp tỉnh được lập trên cơ sở cập nhật kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2019-2021, số ước thực hiện năm 2019, trần chi ngân sách giai đoạn 2020-2022 do cơ quan có thẩm quyền thông báo, dự toán năm 2020 được lập ở hướng dẫn này; trong đó thuyết minh cụ thể các mục tiêu, nhiệm vụ, chương trình, đề án, dự án (kể cả chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu) đã hết thời gian thực hiện/mới được cấp thẩm quyền phê duyệt.

2. Trong quá trình xây dựng dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2020, các cơ quan, đơn vị ở cấp tỉnh đồng thời xác định chi tiết chi tiêu cơ sở, chi tiêu mới của bộ, cơ quan, đơn vị mình năm dự toán 2020 theo quy định tại Điều 5 và Điều 6 Thông tư

số 69/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính để làm căn cứ xác định chi tiêu cơ sở, chi tiêu mới và tổng hợp nhu cầu chi đầu tư phát triển, nhu cầu chi thường xuyên trong kế hoạch chi năm 2021-2022.

Đối với các Sở quản lý ngành, lĩnh vực bên cạnh việc lập kế hoạch thu, chi ngân sách nhà nước từng năm của giai đoạn 2020-2022 (phần bộ trực tiếp thực hiện), cần tính toán xác định nhu cầu kinh phí thực hiện các cơ chế, chính sách, nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền ban hành từng năm của giai đoạn 2020-2022, kèm theo thuyết minh cụ thể căn cứ tính toán.

### 3. Đối với năm 2021-2022:

3.1. Việc lập kế hoạch chi đầu tư phát triển căn cứ vào tiến độ thực hiện các chương trình, dự án, nhiệm vụ đầu tư chuyển tiếp/đã được phê duyệt chủ trương, quyết định đầu tư; gắn với việc thực hiện các mục tiêu chiến lược phát triển ngành, lĩnh vực, các định hướng đổi mới, phát triển nền kinh tế theo các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

### 3.2. Lập kế hoạch chi thường xuyên năm 2021-2022:

Lập kế hoạch chi tiết việc triển khai các mục tiêu, nhiệm vụ, chính sách, chế độ còn hiệu lực, hết hiệu lực; các mục tiêu, nhiệm vụ, chế độ, chính sách mới đã được cấp thẩm quyền phê duyệt.

Đối với Đề án hoàn thiện tổ chức, bộ máy, về giảm biên chế trong từng năm 2021-2022, trên cơ sở đánh giá kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra đến năm 2021, các mục tiêu tại Nghị quyết cho giai đoạn từ năm 2021-2025, các mục tiêu theo Đề án được phê duyệt (nếu có), dự kiến cụ thể việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ về hoàn thiện tổ chức, bộ máy, về giảm biên chế trong từng năm 2021-2022 và các tác động kinh phí ngân sách nhà nước theo từng mục tiêu, nhiệm vụ (tiết kiệm chi hoàn thiện tổ chức, bộ máy, về giảm biên chế trong từng năm 2021-2022 ngân sách nhà nước do giảm đầu mối, giảm biên chế; tăng chi NSNN do thực hiện chính sách tinh giản biên chế).

## **III. Lập kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2020-2022 của các huyện, thị xã, thành phố**

1. Căn cứ số thu được giao, phạm vi thu NSNN theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn, dự toán thu NSNN trên địa bàn địa phương năm 2020 được lập, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã thành phố chỉ đạo Phòng Tài chính – Kế hoạch, phối hợp với Chi cục Thuế địa phương và các cơ quan khác có liên quan ở địa phương lập kế hoạch thu ngân sách nhà nước năm 2021-2022, trong đó:

1.1. Phân tích, đánh giá cụ thể những tác động tăng, giảm thu gắn với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội và dự kiến triển khai các chính sách thu mới quy định tại

Nghị quyết số 07-NQ/TW, lộ trình cắt giảm thuế quan, các dự kiến tác động thu gắn với triển khai Luật hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ.

1.2. Đối với nguồn thu phí, lệ phí, việc lập dự toán thực hiện theo quy định hiện hành, gắn với lộ trình tăng phí theo nguyên tắc tính đúng, tính đủ chi phí cung cấp dịch vụ sự nghiệp công, tổng hợp vào dự toán thu NSNN phần thu phí nộp ngân sách nhà nước năm 2021-2022; lập kế hoạch riêng nguồn thu học phí, giá dịch vụ y tế, giá dịch vụ sự nghiệp công và các khoản thu khác (không có trong danh mục phí) để quản lý, giám sát và yêu cầu tạo nguồn cải cách tiền lương đối với các đối tượng này.

2. Trên cơ sở dự kiến nguồn thu trên địa bàn, nguồn thu của địa phương theo chế độ phân cấp, dự kiến số bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh cho ngân sách nhà nước do cơ quan có thẩm quyền thông báo trong 03 năm 2020-2022; dự kiến các mục tiêu, định hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương giai đoạn 2021-2025; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã thành phố chỉ đạo Phòng Tài chính – Kế hoạch chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan có liên quan khác ở địa phương lập kế hoạch chi ngân sách nhà nước năm 2020-2022, đảm bảo ưu tiên bố trí đủ kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ đã được ban hành và cam kết chi (bao gồm cả chính sách đặc thù do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định); xác định nhu cầu bổ sung có mục tiêu từ ngân sách tỉnh đối với các chế độ, chính sách của Trung ương, tỉnh cho từng năm của giai đoạn 2020-2022 theo quy định; đối với các nhiệm vụ chi mới của địa phương trong từng năm của giai đoạn 2020-2022, bố trí theo thứ tự ưu tiên để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ kinh tế - xã hội trọng tâm của địa phương, trong phạm vi khả năng nguồn lực từng năm 2020-2022.

#### **IV. Về biểu mẫu lập và báo cáo dự toán NSNN năm 2020 và kế hoạch tài chính – NSNN 03 năm 2020-2022**

1. Đối với dự toán năm 2020: áp dụng mẫu biểu quy định tại Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP (trong đó lưu ý, các lĩnh vực sự nghiệp áp dụng mẫu biểu số 12.1 đến 12.5) và các mẫu biểu số 01, 02, 03 ban hành kèm theo Thông tư số 38/2019/TT-BTC ngày 28/6/2019 của Bộ Tài chính.

2. Đối với dự toán thu, chi NSNN từ sắp xếp lại, xử lý nhà đất được lập chi tiết theo các mẫu biểu số 04, 05 ban hành kèm theo Thông tư số 38/2019/TT-BTC ngày 28/6/2019 của Bộ Tài chính.

3. Đối với kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2020-2022: áp dụng các mẫu biểu từ số 01 đến số 06 và mẫu biểu từ số 13 đến số 19 ban hành kèm theo Thông tư số

69/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn lập kế hoạch tài chính 05 năm và kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm.

4. Thời hạn báo cáo: Chậm nhất đến ngày 15/9/2019, các đơn vị, địa phương báo cáo về Sở Tài chính, cụ thể:

- Đối với các huyện, thị xã, thành phố báo cáo về Phòng Quản lý ngân sách bằng văn bản và thư điện tử (địa chỉ: [nguyenvanty60@gmail.com](mailto:nguyenvanty60@gmail.com)).

- Đối với các Sở, ngành, các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh báo cáo về Phòng Tài chính hành chính sự nghiệp.

Trên đây là một số điểm cần lưu ý trong việc triển khai thực hiện xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2020 và lập kế hoạch tài chính – NSNN 03 năm 2020-2022. Đề nghị các Sở, ngành, các cơ quan, đơn vị, đơn vị thuộc tỉnh và các địa phương căn cứ một số nội dung Thông tư số 38/2019/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2019 của Bộ Tài chính mà chưa có trong hướng dẫn này triển khai xây dựng dự toán đảm bảo theo quy định.

Trong quá trình thực hiện, nếu có gì vướng mắc phản ánh về Sở Tài chính để phối hợp giải quyết./.

***Nơi nhận:***

- HĐND tỉnh (B/cáo) ;
- UBND tỉnh (B/cáo) ;
- Các Sở, ban, ngành;
- UBND các huyện, TX, TP;
- Phòng TC-KH các huyện, TX, TP;
- Ban giám đốc Sở;
- Các Phòng, Tâm thuộc Sở;
- Website Sở Tài chính QB ;
- Lưu: VT, QLNS.

**GIÁM ĐỐC**

**Phan Mạnh Hùng**